

Tiếp xúc và tiếp biến văn hóa thời Sơ sử (văn hóa Sa Huỳnh) ở miền Trung Việt Nam

Lâm Thị Mỹ Dung*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội*

Nhận ngày 07 tháng 03 năm 2008

Nhiều năm gần đây, một loạt các di tích và di vật thuộc thời kỳ Sơ sử và Lịch sử Sớm (thế kỷ 5 trước CN đến thế kỷ 5 sau CN) ở Miền Trung Việt Nam đã được phát hiện và nghiên cứu. Khối tư liệu này phản ánh không chỉ quá trình phát triển nội tại mà còn phản ánh xu thế tiếp xúc, trao đổi văn hoá mạnh mẽ với bên ngoài dẫn đến tiếp biến và thay đổi văn hoá.

Khá nhiều ý kiến tranh luận, giả thiết làm việc tập trung vào vai trò và mức độ tham góp của những nhóm yếu tố nội sinh, ngoại sinh trong biến đổi cấu trúc xã hội và hình thành những dạng xã hội phức hợp thời Sơ sử (văn hoá Sa Huỳnh). Đồng thời với việc khẳng định vai trò của những yếu tố nội sinh, những yếu tố ngoại sinh cũng được đánh giá một cách thấu đáo. Các nhà nghiên cứu khá thống nhất trong nhìn nhận vai trò "xúc tác" hay "thúc đẩy" của những yếu tố này trong sự chuyển biến văn hoá giai đoạn trước và sau Công nguyên. Những luồng hay hướng tiếp xúc thời kỳ này của văn hoá Sa Huỳnh diễn ra trong một không gian rộng lớn với cả phía Bắc (Trung Hoa), phía Tây (Ấn Độ, Địa Trung Hải), phía Đông (Đông Nam Á hải đảo)...

Qua việc phân tích và diễn giải tư liệu khảo cổ kết hợp với những nguồn tư liệu khác, bài viết tập trung vào một số vấn đề sau:

- Bối cảnh địa - văn hoá và tình hình chính trị, kinh tế Miền Trung Việt Nam thời Sơ sử.
- Di tích, di vật khảo cổ và thư tịch cổ.
- Cách thức, con đường giao lưu và tiếp biến văn hoá Sa Huỳnh - Hán, Sa Huỳnh - Ấn Độ...
- Giao lưu và tiếp biến văn hoá với biến đổi quan hệ/cấu trúc xã hội.

1. Bối cảnh địa - văn hoá và tình hình chính trị, kinh tế Miền Trung Việt Nam thời Sơ sử

1.1. Bối cảnh địa - văn hoá

Vị thế điểm giữa (điểm trung tâm) của bờ biển Miền Trung Việt Nam trên tuyến đường biển Đông - Tây luôn được nhấn mạnh trong

nhiều nghiên cứu địa - văn hoá. Miền Trung là lãnh thổ duy nhất ở Việt Nam có những con đường ngắn nhất nối liền các đường hàng hải quốc tế ở biển Đông với những tuyến giao thông bộ và thủy trong Đông Nam Á lục địa. Điều đó cũng đúng với các đường hàng không [1].

Khi nghiên cứu khu vực miền Trung theo quan điểm sinh thái, các học giả đặc biệt lưu ý đến một số khía cạnh như: 1) Mạng lưới trao đổi giữa vùng cao (thượng nguồn) và

* ĐT: 84-4-5589744

E-mail: lam_mydzung@yahoo.com

vùng thấp (hạ lưu) theo tuyến sông và ngược lại; 2) Vai trò cầu nối giữa Bắc và Nam, giữa Lục địa và Hải đảo của các bên, cảng thị của sông ven biển miền Trung Việt Nam. Ở đây, đáng lưu ý là nhận định của Momoki Shiro, theo ông Champa (tức miền Trung Việt Nam) như là cánh cổng đi vào thế giới Trung Hoa đối với người Malay và Indô đồng thời cũng là cánh cổng của thế giới Ấn Độ hoá đối với Philippin và Việt Nam [2].

Xuất phát từ quan điểm cho rằng, quá trình tiếp xúc, giao lưu (dù là kinh tế, chính trị hay văn hóa) giữa các vùng luôn bị tác động bởi bối cảnh khu vực hay quốc tế, chúng tôi cho rằng việc xem xét thấu đáo sự chuyển dịch của các tuyến mậu dịch quốc tế, sự suy tàn của con đường tơ lụa nội địa và sự hình thành con đường tơ lụa trên biển là rất cần thiết trong nghiên cứu bản chất của sự tiếp xúc và trao đổi trong văn hoá Sa Huỳnh. Những nghiên cứu lộ trình hàng hải và thương hải thế giới thời cổ, trung đại cho thấy, trước thế kỷ 16, khi chưa có đường biển qua lại giữa Thái Bình Dương với Đại Tây Dương; giữa Ấn Độ Dương với Đại Tây Dương, thì chi duy nhất ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương là hình thành những con đường đi qua Đông Nam Á với những giao điểm ở Melaka (Malacca), Sunda và eo biển Lombok. Vào thời kỳ này (tức thời cổ, trung đại), biển Đông Nam Á đóng vai trò kiểm soát các luồng văn minh thế giới [3].

Sự thuận tiện của đường biển so với đường bộ trong quan hệ giao lưu tiếp xúc với bên ngoài của Miền Trung Việt Nam được phản ánh khá cụ thể và đầy đủ trong những ghi chép sử liệu Trung Hoa về những tuyến đường nối Champa tới những vùng khác (chúng ta có thể dùng tư liệu muộn hơn này để soi xét quá khứ xa thời sơ sử). Trong *Song hui-yao ji-gao* (từ TK 12) có nói về những khoảng cách này như sau "Nước Champa nằm ở phía

tây nam Trung Hoa. Di thuyền vượt biển về phía nam đến San-fo-qi (Srivijaya) mất 5 ngày. Trên bộ, tới đất Panduranga mất một tháng"⁽¹⁾ [4].

Ưu thế của biển Đông mà đặc biệt là bờ biển miền Trung Việt Nam trên tuyến đường thương mại biển Đông - Tây thời cổ trung đại cũng đã được chứng minh bằng những phát hiện khảo cổ học. Không kể đến những quan hệ trao đổi trên biển giữa các cộng đồng dân cư Đông Nam Á từ cách đây trên 4000 năm và có khả năng còn sớm hơn nữa [5], biển Đông Nam Á thực sự tham gia vào hành trình hàng hải quốc tế Đông - Tây, nối giữa Địa Trung Hải, Ấn Độ và Đông Nam Á từ những thế kỷ III, IV trước Công nguyên. Chung quanh chủ đề này đã có nhiều nghiên cứu dựa trên tài liệu khảo cổ và thư tịch của nhiều học giả nước ngoài và Việt Nam [6]. Như vậy, từ những chứng cứ vật chất và ghi chép trong thư tịch ta có thể thấy trong khoảng thời gian những năm 300 BC đến 300AD, bờ biển của các lãnh địa Đông Nam Á tham gia ngày càng tích cực vào con đường tơ lụa phía nam (*Southern Silk Road*), đây là những chuỗi đường trao đổi biển nối các đế chế La Mã và Trung Hoa và hệ quả là đã kéo theo hàng loạt những thay đổi kinh tế - chính trị - văn hoá trong khu vực.

Tài liệu trong sử đề cập đến bờ biển miền Trung Việt Nam trên tuyến đường từ Trung Hoa sang Ấn Độ không nhiều, nhất là ở giai đoạn sớm. Dù vậy, ta vẫn có thể lọc ra được ít nhiều thông tin hữu ích. Từ thời Hán (năm 206 trước Công nguyên đến năm 23 sau Công nguyên), đã có tư liệu về việc đi biển từ Trung Hoa sang Kanci (Conjeeveram) ở bờ đông của miền Nam Ấn Độ. Lộ trình này bắt đầu từ bến cảng của bờ biển tỉnh Kuang-tung, sau đó theo đường biển, rồi theo đường đất

(1) Srivijaya và Panduranga là tên gọi các tiểu vương quốc thuộc vương quốc Champa ở miền Trung Việt Nam.

liên và lại bằng đường biển để đi tới điểm cuối cùng, nhưng đường quay về từ Kanci đến Trung Hoa thì chỉ đi bằng đường biển và cuối cùng sẽ tới bờ biển miền Trung Việt Nam. Như vậy đã hình thành hai tuyến đường trong thời kỳ này. Tuyến một đi ngang qua bán đảo Mã Lai ở một số điểm và tuyến hai đi qua eo biển Malacca. Một vấn đề khác cũng cần lưu ý, đó là thành phần thương nhân tham dự. Thương nhân Hán và tàu buôn Hán chưa đóng vai trò chủ đạo ở biển Nam vào thời gian này và trong những thế kỷ đầu Công nguyên, hoạt động trên biển của tàu Ấn rộng khắp ở Đông Nam Á. Thuyền đi biển của Trung Hoa đến Ấn Độ một cách thường xuyên hơn từ những giai đoạn muộn trở đi. Thời Hán, đường chuyên chở trên đất liền vẫn đóng vai trò quan trọng, xong đường biển cũng bắt đầu phát triển (đặc biệt là ở giai đoạn cuối) (bản đồ 1). Theo các nhà nghiên cứu có một số nguyên nhân dẫn đến tình hình đó [7].

- Trung Hoa kiểm soát được Giao Chi từ những thế kỷ đầu Công nguyên.

- Sự sáp nhập của Ai Cập làm cho La Mã có thể đi vào biển Đỏ và Ấn Độ Dương.

- Cả Trung Hoa và cả La Mã đều muốn buôn bán trực tiếp với Ấn Độ và mở đường biển thông giữa hai đế quốc nhằm tránh phải nộp thuế cho người *Parthian* trên tuyến đường giao thương đông tây.

- Sự hình thành của buôn bán đường biển một cách thường xuyên giữa Ấn Độ, Trung Hoa và Indonexia mà chủ yếu do thương nhân và thủy thủ của Ấn Độ và Indonexia nắm giữ. Một số thuyền có trọng tải rất lớn so với trình độ phát triển hàng hải của thời đó.

1.2. Bối cảnh chính trị

Theo ghi chép trong sử liệu cổ, năm 111 trước CN, Hán Vũ Đế sai Lộ Bác Đức và

Dương Bộc sang đánh nhà Triệu, lấy nước Nam Việt rồi cải thành Giao Chi bộ, gồm chín quận: Nam Hải (Quảng Đông); Hợp Phố (Quảng Đông); Thương Ngô (Quảng Tây); Uất Lâm (Quảng Tây); Châu Nhai (đảo Hải Nam) và Đạm Nhĩ (Đảo Hải Nam); *Giao Chi; Cửu Chân; Nhật Nam (ba quận này thuộc khu vực Bắc bộ và Trung Bộ Việt Nam)*. Bộ máy cai trị của nhà Hán cũng mới chỉ áp đặt tới cấp châu quận, bên dưới cơ bản vẫn theo cơ cấu có sẵn từ trước. Theo các nghiên cứu, cương vực của Nhật Nam trùng với khu vực Bắc Trung bộ và Trung Trung Bộ Việt Nam hiện nay [8]. Chính sách cai trị những quận này được các nhà nghiên cứu gọi dưới cái tên *tu-si "chính quyền địa phương (native office)"*. Thực chất của những chính sách mà những triều đại Trung Hoa sử dụng cho thấy cơ chế hữu hiệu để buộc phụ thuộc, đồng hoá và sau đó sáp nhập những xã hội và thể chế phi Hoa vào quỹ đạo văn minh và chính trị Trung Hoa. Về bản chất, điều này kéo theo sự duy trì hay thừa nhận của chính quyền chính quốc (Trung Hoa) đôi với người đứng đầu hay thủ lĩnh của những cộng đồng cư dân bản địa mà Trung Hoa chinh phục [5]. Như vậy, về cơ bản có thể thấy, càng ở những nơi xa trung tâm quyền lực của chính quyền phong kiến Trung Quốc thì lực lượng thủ lĩnh địa phương càng mạnh và thực quyền.

Thời Đông Hán, trong sự ghi chính quyền nhà Hán (Đông Hán) đã giao cho sứ coi sóc Giao Chi (trị sở Luy Lâu) kiểm soát toàn bộ các quận huyện trực thuộc nhà Hán ở phía Nam và như vậy đã làm giảm đáng kể quyền lực từ chính quyền trung ương. Nhà Hán cũng chỉ cử hai sứ ở hai quận Giao Chi và Cửu Chân, không nói đến việc cử sứ coi sóc quận Nhật Nam. Xem ra, đôi với đất phía nam, đặc biệt là cực nam như huyện Tượng Lâm thì chính sách cai trị của nhà Hán khác

hơn so với những vùng còn lại và ảnh hưởng của chính quyền theo cách nói của một số nhà nghiên cứu là “*hữu danh, vô thực*”. Điều này trên thực tế đã được phản ánh qua vai trò nổi bật và thực quyền của thủ lĩnh địa phương trong tổ chức và điều hành xã hội lúc bấy giờ. Những xung đột, cướp phá của người Tượng Lâm đã được chính quyền Hán dùng chính sách chia rẽ nội bộ, mua chuộc phủ dụ và đặc biệt dùng Cửu Chân và Giao Chi để kháng cự chứ không dùng chính quyền Trung ương. Từ những ghi chép này nổi bật lên vấn đề **quan hệ vô cùng chặt chẽ giữa Giao Chi, Cửu Chân với Nhật Nam trong nhiều lĩnh vực.**

1.3. Bối cảnh văn hóa

Một vùng lãnh thổ trải dài (với nhiều loại địa hình khác nhau đảo ven bờ, duyên hải ven biển, cồn-bàu, đồi gò ven sông, vùng trước núi) từ Thừa Thiên-Huế đến Ninh-Bình Thuận là địa bàn phân bố của các di tích văn hóa Sa Huỳnh sơ kỳ thời đại sắt với những nhóm loại hình văn hóa mang tính khu vực và diễn tiến từ sớm đến muộn.

Theo những nghiên cứu của chúng tôi (kể cả những nghiên cứu mới của riêng tác giả và kế thừa kết quả nghiên cứu của nhiều đồng nghiệp), có ít nhất 02 dạng (truyền thống) của văn hóa Sa Huỳnh⁽²⁾ ứng với hai vùng địa phương (Bắc và Nam). Tuy vậy, sự phân chia này trong một số trường hợp không rõ ràng, trên cùng một địa bàn ta cũng thấy có cả hai truyền thống cùng đan cài, như mộ chum Sa Huỳnh kiểu chum hình trụ, nắp hình nón cụt bên cạnh chum hình cầu, mộ đất. Ví dụ,

⁽²⁾ Văn hoá Sa Huỳnh là một văn hoá khảo cổ có niên đại sơ kỳ sắt (từ khoảng 600 năm trước CN đến thế kỷ 1 sau CN) với táng thức nổi bật dùng chum và gốm lớn làm quan tài mai táng với các táng tục đa dạng như hoá táng, cải táng, chôn tượng trưng và hung táng.

Quảng Nam có Gò Mả Vôi bên cạnh Gò Dừa, Quảng Ngãi có Sa Huỳnh bên cạnh Xóm Ốc, Suối Chình, Khánh Hoà có Hoà Diêm bên cạnh Diên Khánh, Mỹ Ca... Sự đa dạng này trước hết phản ánh quá trình diễn biến theo thời gian sớm muộn và có thể còn liên quan đến yếu tố xã hội (như địa bàn thị tộc Cau, thị tộc Dừa chẳng hạn)⁽³⁾. Trên đại thể, loại mộ chum hình cầu xen lẫn mộ đất hung táng và cải táng kiểu Hoà Diêm (Cam Ranh, Khánh Hoà), Suối Chình (Đào Lý Sơn, Quảng Ngãi)... có niên đại kéo dài hơn loại hình trụ với nắp hình nón cụt.

Văn hóa Sa Huỳnh có mối quan hệ giao lưu mạnh mẽ với các văn hóa đồng đại trong khu vực. Trong giai đoạn cuối của nền văn hóa này (từ thế kỷ 2 trước Công nguyên đến thế kỷ 1 sau Công nguyên) có sự tăng cường trong tiếp xúc và trao đổi với những vùng xa hơn như Trung Hoa, Ấn Độ, Địa Trung Hải... Những hiện vật khảo cổ học liên quan đến quan hệ tiếp xúc giữa miền Trung Việt Nam với thế giới bên ngoài như với Đông Nam Á Hải đảo, Trung Hoa, Ấn Độ, Địa Trung Hải ngày càng được phát lộ nhiều trong các địa điểm văn hoá Sa Huỳnh ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà...

2. Di tích, di vật khảo cổ và thư tịch cổ

Tiếp xúc, quan hệ, giao lưu và theo sau đó là quá trình tiếp biến giữa các văn hóa chịu tác động bởi nhiều điều kiện khác nhau. Như trên đã trình bày, có nhiều nguyên nhân từ

⁽³⁾ Một số nhà nghiên cứu có xu hướng gắn dạng Sa Huỳnh Bắc (từ Thừa Thiên Huế đến Bình Định) với dòng thị tộc Sa Huỳnh Bắc và sau này là địa bàn của thị tộc Dừa Champa; Sa Huỳnh Nam (từ Phú Yên đến Đông Nam Bộ) với dòng thị tộc Sa Huỳnh Nam và sau này là địa bàn của thị tộc Cau Champa.

môi trường sinh thái đến văn hóa, chính trị ảnh hưởng đến tính chất và mức độ của quá trình giao lưu và hội nhập các yếu tố ngoại sinh (Hán, Ấn, Đông Nam Á) vào văn hóa bản địa (Sa Huỳnh). Toàn bộ quá trình này được phản ánh một cách rõ nét qua di tích và di vật.

Có thể nói, tiếp xúc và trao đổi Sa Huỳnh-Hán, Sa Huỳnh-Ấn bắt đầu từ giai đoạn giữa của văn hóa Sa Huỳnh sơ kì sắt, từ thế kỷ 4 trước Công nguyên, tăng cường trong giai đoạn cuối và tăng mạnh mẽ từ thế kỷ 1, 2 trước và sau Công nguyên. Chứng cứ về sự tiếp xúc và ảnh hưởng này thường tìm thấy ở địa điểm hay nhóm địa điểm phân bố ven sông lớn, cửa sông ven biển, những địa hình thuận tiện cho việc tiếp xúc và trao đổi kinh tế văn hóa. Nổi bật là các nhóm di tích ở lưu vực sông Thu Bồn, Quảng Nam như 1) Hội An (An Bang, Hậu Xá, Thanh Chiếm, Lai Nghi); 2) Duy Trung, (Gò Mả Vôi, Gò Miếu Ông, Gò Bờ Rang, Núi Vàng, Gò Ông Nhận...; Gò Dừa, Gò Ngoài, Phú Đa; Tĩnh Yên; 3) Di tích Bình Yên và cụm di tích Tam Giang, Tam Mỹ, Phú Hòa, Đồng Cây Lội.... 4) Di tích Gò Mùn, Cẩm Xóm... (bản đồ 2). Nhóm di tích Gò Quê và nhóm di tích đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi). Nhóm di tích Hòa Diêm (Khánh Hòa)... và xa hơn nữa về phía Nam là khu di tích Giồng Cá Vồ (TP.Hồ Chí Minh). Những địa điểm nằm sâu hơn trong nội địa cũng cung cấp nhiều chứng cứ về quan hệ tiếp xúc, trao đổi với bên ngoài (những tiếp xúc, quan hệ trong nội địa có thể diễn ra chủ yếu theo đường sông và qua các đèo).

Trong thời tiền, sơ sử, giao lưu và tiếp xúc giữa các cộng đồng dân cư được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau và thuộc nhiều lĩnh vực của đời sống từ kinh tế, văn hoá, xã hội, tôn giáo đến chính trị. Một hoạt động có ý nghĩa đặc biệt đối với tiếp xúc và

giao lưu là trao đổi kinh tế. Giữa các cộng đồng sống trên các địa bàn khác nhau thường có sự trao đổi nguyên liệu và sản phẩm và sau đó là trao đổi hàng hoá với nhau. Ngoài hoạt động trao đổi kinh tế còn có những hoạt động trao đổi "phi kinh tế" mà ảnh hưởng của chúng tới biến đổi văn hoá không hề nhỏ, đặc biệt là vai trò của những hoạt động này trong việc củng cố mối quan hệ xã hội và thay đổi cấu trúc xã hội.

Có thể thấy rằng, mạng lưới trao đổi và buôn bán nội vùng và liên vùng cùng với buôn bán khoảng cách xa có một vai trò quyết định trong việc tiếp thu, chuyển tiếp và biến đổi những yếu tố văn hoá ngoại sinh trong văn hoá Sa Huỳnh để dẫn đến những thay đổi quan trọng trong quá trình tiến hoá nội tại và thay đổi cấu trúc, quan hệ xã hội [10].

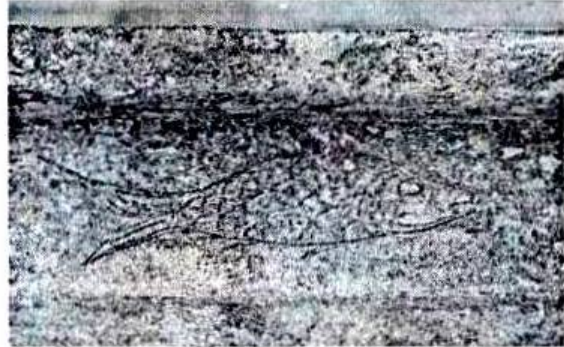
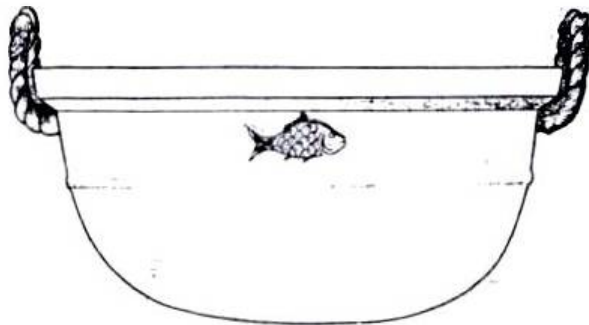
Theo các nhà nghiên cứu, hiện vật ngoại sinh có thể được chia thành ba nhóm: 1) Nhóm hiện vật nhập trực tiếp từ bên ngoài; 2) Những hiện vật sản xuất theo kỹ thuật ngoại và 3) Những hiện vật sản xuất tại địa phương bắt chước hình dáng hiện vật nhập ngoại [11]. Những hiện vật làm theo đơn đặt hàng ở bên ngoài có thể được xếp vào nhóm thứ nhất. Ngoài ra còn có những hiện vật sản xuất tại địa phương nhưng do thợ bên ngoài làm theo kỹ thuật từ bên ngoài theo nhu cầu của xã hội bản địa...⁽⁴⁾. Tuy vậy, đối với những mặt hàng Hán hay kiểu Hán, với tình trạng nghiên cứu hiện nay thì khó mà thấy được một cách rõ ràng từng nhóm hiện vật này trong văn hoá Sa Huỳnh.

Hiện vật có nguồn gốc Tây và Đông Hán

⁽⁴⁾ Theo Belina Berenice thì trong việc sản xuất đồ trang sức ở Đông Nam Á đầu công nguyên đã có những người thợ Ấn Độ đến làm việc tại Đông Nam Á. Theo Nguyễn Kim Dung (Viện Khảo cổ học), cho tới nay chưa có bằng chứng về sản xuất trang sức bằng mã não tại chỗ, nhưng sản xuất trang sức bằng thủy tinh tại chỗ thì đã có rất nhiều bằng chứng trong các địa điểm khảo cổ học.

trong văn hóa Sa Huỳnh được phát hiện phần lớn trong các địa điểm có niên đại muộn. Một số đồ đồng như đỉnh, bát, đĩa,

ấm... được xem là những hiện vật thể hiện rõ rệt tính chất status (địa vị, thân thế), đây là những "Status goods" hay "Status markers".



Hình 1. Đồ đựng bằng đồng niên đại Đông Hán trong mộ Lai Nghi (Quảng Nam).

Nguồn: Tư liệu khai quật của Andreas Reinecke, Nguyễn Chiêu và Lâm Mỹ Dung, Chụp ảnh Renecke. A [12]



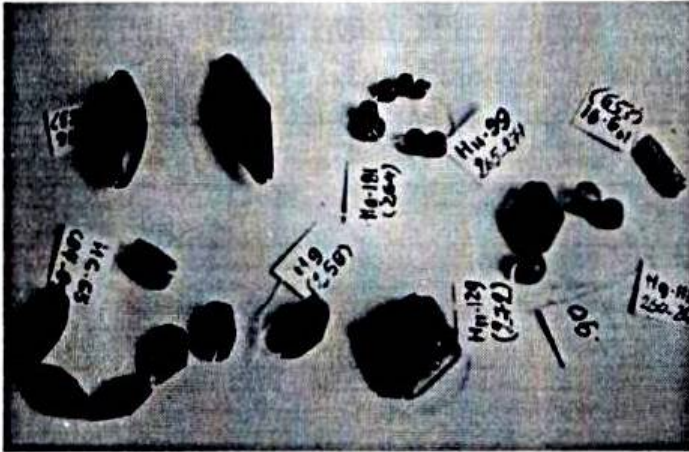
Hình 2. Gương đồng niên đại Tây Hán trong mộ Gò Dừa (Quảng Nam).

Nguồn: Tư liệu khai quật của Andreas Reinecke, Nguyễn Chiêu và Lâm Mỹ Dung, Chụp ảnh Renecke. A [12]

Loại hình hiện vật này thấy xuất hiện ngày càng nhiều trong các khu mộ địa giai đoạn muộn, nhiều mộ có chứa những hiện vật này bên cạnh hiện vật có nguồn gốc nội sinh và từ những khu vực khác. Một số nguyên liệu như Nephrite có lẽ cũng được nhập từ Đài Loan (thông tin cá nhân trao đổi với Nguyễn Kim Dung). Trong những hiện vật này chúng ta thấy có thể chia thành mấy nhóm sau.

- Công cụ, vũ khí
- Tiền
- Trang sức
- Đồ gia dụng và Nghi lễ

Hiện vật có nguồn gốc Thái Lan, Ấn Độ, Địa Trung Hải cũng được tìm thấy trong rất nhiều các địa điểm của văn hoá Sa Huỳnh phân bố ở các loại địa hình từ hải đảo, duyên hải đến vùng đồi núi. Loại hình hiện vật chính là các loại hạt chuỗi và trang sức làm bằng mã não, thủy tinh, vàng...



Hình 3. Hạt chuỗi mã não, thủy tinh và đá Nephrite ở địa điểm Cồn Dàng (Huê).

Nguồn: Tư liệu khai quật của Bùi Văn Liêm

Mặc dù hạt chuỗi có nguồn gốc Ấn Độ đã được tìm thấy trong các địa điểm văn hoá Sa Huỳnh giai đoạn sớm (thế kỷ 4,5 trước Công nguyên), nhưng phải đến giai đoạn muộn mới có sự bùng nổ về số lượng và loại hình hiện vật hạt chuỗi ở các địa điểm. Những địa điểm với số lượng lớn hạt chuỗi các loại có thể kể đến như Hậu Xá II (Hội An, Quảng Nam), Lai Nghi (Điện Bàn, Quảng Nam), Hoà Diêm (Cam Ranh, Khánh Hoà), Giồng Cá Vồ (Cần Giờ, TP.Hồ Chí Minh).



Hình 4. Hạt chuỗi mã não và thủy tinh trong mộ Lai Nghi (Quảng Nam).

Nguồn: Tư liệu khai quật của Andreas Reinecke, Nguyễn Chiểu và Lâm Mỹ Dung, Chụp ảnh Renecke. A [12]

Về bản chất và mức độ của tiếp xúc, trao đổi Sa Huỳnh-Ấn Độ, Sa Huỳnh-Đông Nam Á, Sa Huỳnh-Địa Trung Hải xin xem thêm bài nghiên cứu của Nguyễn Kim Dung [13]. Nhìn chung, những tiếp xúc và trao đổi giai đoạn này chủ yếu dựa trên nền tảng kinh tế và bản chất của các quan hệ là đa chiều và bình đẳng.

3. Cách thức, con đường giao lưu và tiếp biến văn hóa Sa Huỳnh-Hán, Sa Huỳnh-Ấn Độ...

3.1. Tuyến đường

Chúng tôi cho rằng, đường biển có lẽ đã đóng vai trò chính trong tiếp xúc và trao đổi (nếu dựa theo những ưu thế địa lý của bờ biển Miền Trung Việt Nam và bối cảnh kinh tế - chính trị của khu vực như đã đề cập ở trên), xong ta cũng không thể loại trừ vai trò của đường bộ (nếu xuất phát từ bối cảnh chính trị - quan hệ chặt chẽ giữa các quận thời Hán Giao Chi - Cửu Chân - Nhật Nam, đặc biệt là Cửu Chân với Nhật Nam). Ngoài ra đường sông (nhất là vai trò của sông Mê Công) cũng cần được xem xét mặc dù sẽ cần nhiều tư liệu hơn để chứng minh, dù đã không ít ý kiến cho rằng sông Mê Công không thực sự là đường vận chuyển dễ dàng trong thời cổ đại, do những đặc điểm về địa hình, thủy chế của nó.

3.2. Cách thức

Buôn bán hay thương mại khoảng cách xa giữ vai trò và vị trí số một. Sau đó có nhiều khả năng là qua con đường chính trị (chính sách cai trị vùng biên viễn và mối quan hệ trung ương - địa phương, mối quan hệ đồng minh hay chư hầu...).

Những sử liệu cũng như tài liệu khảo cổ chứng minh rằng, hệ thống buôn bán đường

biển đã bắt đầu từ những thế kỷ cuối trước Công nguyên. Những thủy thủ "Malay" được nhắc đến như những khách thăm tại bờ biển Trung Hoa từ thế kỷ 3 trước Công nguyên. Thời đế chế La Mã, những nhà sử học La Mã đã nói về những người Malay buôn bán quế đi theo luồng gió giữa châu Á và châu Phi, và đã có những trao đổi thường xuyên của cư dân nói tiếng Malayo-Polinesian dọc theo bờ biển Malagasy [14, p.185-187]. Trong khi chứng cứ lịch sử không rõ lắm, mối quan hệ với Ấn Độ có lẽ cũng được hình thành vào thời gian này, từ khi những thủy thủ Đông Nam Á đã có thể vượt qua eo biển Malaca và vào Ấn Độ Dương [14, p.186]. Tại những địa điểm thuộc thời kỳ hậu giai đoạn Mauria (thế kỷ 1 và 2 trước Công nguyên) ở India, đã tìm thấy những tài liệu chữ viết và tư liệu khảo cổ cho thấy những người buôn bán Ấn Độ đã có thể tìm thấy những nguồn cung cấp vàng mới ở Đông Nam Á [15]. Như trên đã đề cập, trong các di tích văn hoá Sa Huỳnh, nhất là trong những di tích thuộc thời kỳ muộn đã phát hiện được khá nhiều di vật có nguồn gốc Ấn Độ và di vật có nguồn gốc xa hơn nữa.

Tiếp xúc và giao lưu văn hoá giữa Hán và Sa Huỳnh phụ thuộc vào rất nhiều điều kiện, thứ nhất là cần phải đặt trong bối cảnh lịch sử của chính sách bành trướng về phía nam của chính quyền nhà Hán (như đã đề cập ở phần trên), thứ hai là chính sách phát triển kinh tế của nhà Hán. Sự bành trướng của nhà Hán về phía nam một phần không kém quan trọng là do mục đích thương mại và nhu cầu hàng hoá từ phương nam. Mặc dù tư liệu thành văn cho thấy có sự hiện diện của những thuyền Việt (Yue) kích thước lớn lúc bấy giờ, nhưng theo các nhà nghiên cứu, có nhiều khả năng thuyền buôn Trung Hoa không đi quá bờ biển miền Bắc Việt Nam và những hàng hoá ngoại tìm được ở Nam Việt là do những

thuyền buôn nước ngoài đem tới. Hán Vũ Đế khi bành trướng xâm chiếm Lingnan năm 11 trước CN đã cử những chức quan lo việc kiểm soát thương mại biển. Trong thời kỳ này, bên cạnh cảng Panyu còn có một loạt các cảng ở phía nam như ở Hepu (miền nam Guangxi), Xwen (miền Nam Guangdong) và dọc theo bờ biển miền Bắc Việt Nam (nhiều tài liệu đề cập tới tầm quan trọng của cảng ở Giao Chi trong giai đoạn này). Dù không có nhiều những ghi chép trong sử cổ về sự phát triển những mối quan hệ buôn bán hay gửi sứ đoàn đi bằng đường biển tới những vùng biên viễn như Ấn Độ, La Mã, nhưng có thể cho rằng, chính sách bành trướng của Hán Vũ Đế luôn đi kèm với sự mở rộng quan hệ buôn bán với những vùng xa xôi bất kể là theo phương tiện và cách thức nào ⁽⁵⁾.

Như vậy, từ những thay đổi trong chính sách trên đây, ta có thể nhận ra cách thức và mức độ tiếp xúc, trao đổi và tiếp biến văn hóa Hán Sa Huỳnh trong hai giai đoạn Tây Hán và Đông Hán là khác nhau. Có thể thấy, hiện vật thời Tây Hán tìm thấy ở miền Trung không nhiều, hiện vật hạn chế ở một số loại hình như tiền đồng, gương đồng, một số vũ khí như qua đồng, qua sắt, dao có chuôi hình vành khăn bằng sắt... (những công cụ và vũ khí bằng sắt này có lẽ được sản xuất tại chỗ bắt chước loại hình hiện vật Trung Hoa). Sang giai đoạn cuối Tây Hán và Đông Hán, những tiếp xúc văn hóa mạnh hơn, đa dạng hơn và theo hệ thống và không loại trừ khả năng du nhập một số công nghệ sản xuất đồ gốm, đồ kim loại... Tuy vậy, khác với miền Bắc nơi mộ Hán thời này khá nhiều (và địa

⁽⁵⁾ Chúng ta có một số sử liệu về tuyến đường biển phía Nam từ thời Hán Vũ Đế và chính sách thương mại quan doanh - hình thức hoạt động thương mại dưới sự chi đạo trực tiếp của triều đình. Theo con đường này tơ lụa của Trung Quốc được đưa tới nhiều quốc gia [16].

vực phân bố của mộ Hán cũng chỉ tới Thanh Hoá điều này cũng phù hợp với sự có mặt trên thực tế của những trị sở Trung Hoa ở hai vùng Giao Chi và Cửu Chân), tại khu vực Trung Trung Bộ không thấy dấu tích mộ gạch Hán, mà chỉ có một số mộ chum và mộ huyết đất có chứa đồ đồng Tây và đặc biệt là Đông Hán. Như vậy, trong khi ở hai quận (Giao Chi và Cửu Chân) có sự hiện diện của quan lại nhà Hán, quan lại địa phương bị Hán hoá và có thể cả lớp người quyền lực địa phương mạnh, thì ở vùng Nhật Nam, chỉ có hai nhóm người sau (quan lại địa phương bị Hán hoá và thủ lĩnh/người giàu bản địa). Chúng tôi cho rằng, trong giai đoạn trước công nguyên, văn hoá Sa Huỳnh tiếp nhận ảnh hưởng từ văn hoá Hán theo kiểu từ xa, chọn lọc một số yếu tố phù hợp, chủ yếu là tiếp nhận những biểu trưng thể hiện quyền lực/địa vị - thân thế của Hán. Cách thức trao đổi chắc cũng khá đa dạng về hình thức, xong cách thức tiếp xúc và trao đổi qua buôn bán đóng vai trò chủ đạo. Sang đến giai đoạn cuối của nền văn hoá này, môi quan hệ này được tăng cường từ nhiều góc độ và từ nhiều nguyên nhân cả chính trị, kinh tế, văn hóa... Đối với Ấn Độ, môi quan hệ chính là buôn bán và chủ yếu tập trung vào một, hai mặt hàng của đồ trang sức. Những hạt chuỗi nhập từ Ấn Độ hay được sản xuất tại chỗ theo kỹ thuật và loại hình Ấn Độ tất nhiên cũng mang tính chất "status marker" chứ không chỉ đơn thuần để làm đẹp. Số lượng, chất lượng và phân bố hạt chuỗi và các đồ trang sức bằng đá mã não, đá agate..., hạt chuỗi hình chim, hình hổ, hạt chuỗi thủy tinh bọc vàng, hạt chuỗi khắc Axit có nguồn gốc từ Ấn Độ, Địa Trung Hải trong các mộ chum minh chứng rất rõ điều này.

4. Giao lưu và tiếp biến văn hóa với biến đổi quan hệ/cấu trúc xã hội

Hàng ngoại thúc đẩy việc sản xuất hàng nội, tăng cường trao đổi hàng giữa vùng thấp với vùng cao và trong mỗi vùng. Sự có mặt của mặt hàng loại này không chỉ kích thích buôn bán mà còn kích thích sản xuất những mặt hàng trao đổi nhất là gốm và kim loại theo hướng mở rộng sản xuất và quản lý sản xuất. Việc phát triển ngoại thương và tăng cường giao lưu, tiếp xúc với bên ngoài đồng thời dẫn đến một số những thay đổi trong quan hệ xã hội và cấu trúc xã hội. Rõ ràng, sự có mặt của những hàng xa xỉ có nguồn gốc từ bên ngoài (và cùng với chúng là những tư tưởng kèm theo) đã có vai trò không nhỏ trong phân hóa của cải địa vị và quyền lực trong xã hội Sa Huỳnh. Điều này được thể hiện qua số lượng và chất lượng đồ tùy táng phân bố không đồng đều trong các mộ chum của một địa điểm và giữa các địa điểm trong văn hoá Sa Huỳnh.

Buôn bán khoảng cách xa và trao đổi nội vùng trong môi liên hệ với mức độ phức hợp xã hội thường được xem xét dưới một số khía cạnh sau.

- Tính chuyên hoá và mức độ trao đổi nội, liên vùng và buôn bán đường xa.

- Mức độ tích lũy của cải, cách thức phân phối/chia lại của cải liên quan đến địa vị và vai vế (quyền lực) trong xã hội.

- Mức độ và cách thức phân tầng xã hội: Hệ thống phân cấp định cư. mức độ liên kết trung tâm-ngoại vi; trung tâm lớn-trung tâm nhỏ theo mô hình trung tâm và vệ tinh trong một cấu trúc vòng tròn hay mô hình hình cây ở vùng lưu vực sông ven biển [17]. Đối với địa hình miền Trung Việt Nam mô hình hình

cây của Bronson [17] mô tả hệ thống trao đổi từ vùng thượng nguồn đến hạ lưu của sông chính và những chi lưu của sông có lẽ thích hợp hơn cả. Ở những lưu vực sông lớn như sông Thu Bồn, sông Trà Khúc các nhà nghiên cứu bước đầu đã có thể xác định một cách tương đối chức năng của địa điểm hay nhóm địa điểm dọc theo sông như những điểm thu mua hàng hoá, sản xuất hàng hoá và tiêu thụ hàng hoá thời Sơ sử [10].

Có nhiều nghiên cứu về sản xuất hàng hoá thủ công liên quan đến sự gia tăng tích phức hợp của cấu trúc xã hội và quá trình hình thành nhà nước ở các cấp mức độ khác nhau. Nhìn chung, các nghiên cứu đó đều nhằm chứng minh giữa hai quá trình này có mối liên quan mật thiết và tương tác lẫn nhau. Trong nghiên cứu của mình về các lãnh địa ở Philippin, Junker L. đã vận dụng cách phân loại của Brumfiel và Earle mà theo đó có hai loại sản xuất thủ công (toàn thời gian hay tạm gọi là chuyên nghiệp) trong lãnh địa, đó là “chuyên hoá mang tính gắn với” (attached specialization) và “chuyên hoá mang tính độc lập” (independent specialization)⁽⁶⁾ [18] để tìm hiểu vai trò của tiến bộ sản xuất thủ công đối với sự hình thành lãnh địa. Tuy vậy, việc phân chia kiểu này không phải không có những tư liệu thực tế phản bác lại. Một số tư liệu dân tộc học lịch sử đã chứng minh không phải hoàn toàn lúc nào cũng vậy. Ở nhiều nơi, trong lịch sử và hiện tại, những người thợ thủ công chuyên nghiệp, những nghệ nhân đồng thời sản xuất cả hai hoặc nhiều hơn các chủng loại hàng hoá cho cả hai nhóm

đôi tượng như đã nói ở trên. Có thể thấy điều này trong nghiên cứu của Underhill. P về sản xuất thủ công nghiệp và những thay đổi xã hội ở miền Bắc Trung Hoa [19].

Những tư liệu khảo cổ và sử liệu cho thấy, cả trong giai đoạn văn hoá Sa Huỳnh và giai đoạn lịch sử sớm đã có cả hai loại sản xuất như phân loại trên (và chúng tôi cũng thiên về ý kiến cho rằng cách phân chia đó chỉ mang tính tương đối và trong nhiều trường hợp rất uyển chuyển). Loại “chuyên hoá mang tính gắn với” chắc đã có trong văn hoá Sa Huỳnh (ở mức độ ban đầu), và tăng cấp độ cũng như phạm vi ở những thế kỷ đầu công nguyên. Tất nhiên, do tính chất phân tán về địa hình cũng như tổ chức chính trị ở miền Trung Việt Nam, sản xuất thủ công ở mỗi vùng khác nhau do sự đa dạng của nguồn nguyên liệu địa phương, sự chênh lệch về kỹ thuật (trình độ) trong chuyên hoá sản xuất, sự khác nhau về tổ chức xã hội, tầm quan trọng của từng mặt hàng đối với thị trường bên ngoài và nội địa, mức độ tiếp xúc với bên ngoài.

Mức độ chuyên hoá sản xuất thủ công được phản ánh chủ yếu qua bộ di vật gốm và sắt. Trong đồ gốm, chúng ta thấy có sự diễn biến về loại hình qua các địa điểm từ sớm đến muộn theo xu hướng đơn giản hoá về trang trí, đơn điệu hoá (có thể hiểu theo nghĩa chuẩn hoá) loại hình. Tại những khu mộ như Gò Mả Vôi, Gò Quê (văn hoá Sa Huỳnh sớm) chum mai táng nhiều loại, gốm tuy táng rất đa dạng về hình dáng và trang trí, ở những khu mộ có niên đại muộn loại hình quan tài gần như chỉ có dạng hình trụ, đồ gốm tuy táng đơn giản hơn rất nhiều so với giai đoạn trước. Tuy vậy, trong các địa điểm muộn này lại có hiện tượng xuất hiện một số loại gốm đơn lẻ về loại hình và đơn chiếc về số lượng. Tính thống nhất trong văn hoá Sa Huỳnh được nhận biết rõ rệt qua những loại hình

⁽⁶⁾ Loại thứ nhất sản xuất ra những mặt hàng hay sản phẩm có tính giới hạn chặt chẽ về mặt xã hội (dạng hàng đặt riêng phục vụ nhu cầu của tầng lớp trên, tầng lớp cai trị và hàng hoá thể hiện địa vị xã hội) trong khi loại thứ hai cung cấp những mặt hàng cho đại bộ phận dân cư, những người tiêu thụ bình dân.

gồm chung và loại hình di vật khác cũng có sự tương đồng cao.

Như vậy, có thể đã tồn tại một mức độ chuyên hoá, tập trung sản xuất nhất định trong sản xuất đồ gốm, đặc biệt là quan tài gốm mai táng. Những chum mai táng trong văn hoá Sa Huỳnh có một số loại hình chuẩn, tìm thấy ở những địa điểm cách xa nhau nhưng vẫn mang những đặc điểm chung về kỹ thuật sản xuất, hoa văn, kiểu dáng. Mặt khác, sự có mặt của một số loại hình gốm đơn lẻ, lạ, hiếm ở một vài địa điểm phải chăng liên quan đến hình thức sản xuất theo đơn đặt hàng của một số cá nhân đặc biệt trong cộng đồng nhằm thể hiện thân thế, địa vị xã hội?

Loại hiện vật khác cũng phản ánh mức độ chuyên hoá sản xuất thủ công là đồ sắt. Đồ sắt trong văn hoá Sa Huỳnh có loại hình chuẩn, thống nhất về kỹ thuật chế tác. Có thể cho rằng sản xuất đồ sắt chưa tới mức độ chuyên hoá hoàn toàn song có thể nhận định mỗi vùng có những nơi sản xuất và cung cấp mặt hàng và đây là sản phẩm của một số nhóm thợ chuyên nghiệp, có thể mỗi vùng hay nơi tụ cư có những người thợ hay nhóm thợ chuyên làm nghề rèn sắt cung cấp ra thị trường, số lượng đồ sắt vũ khí khá lớn cho thấy nhu cầu thực tế của một xã hội mà cạnh tranh, xung đột không phải là hiện tượng hiếm.

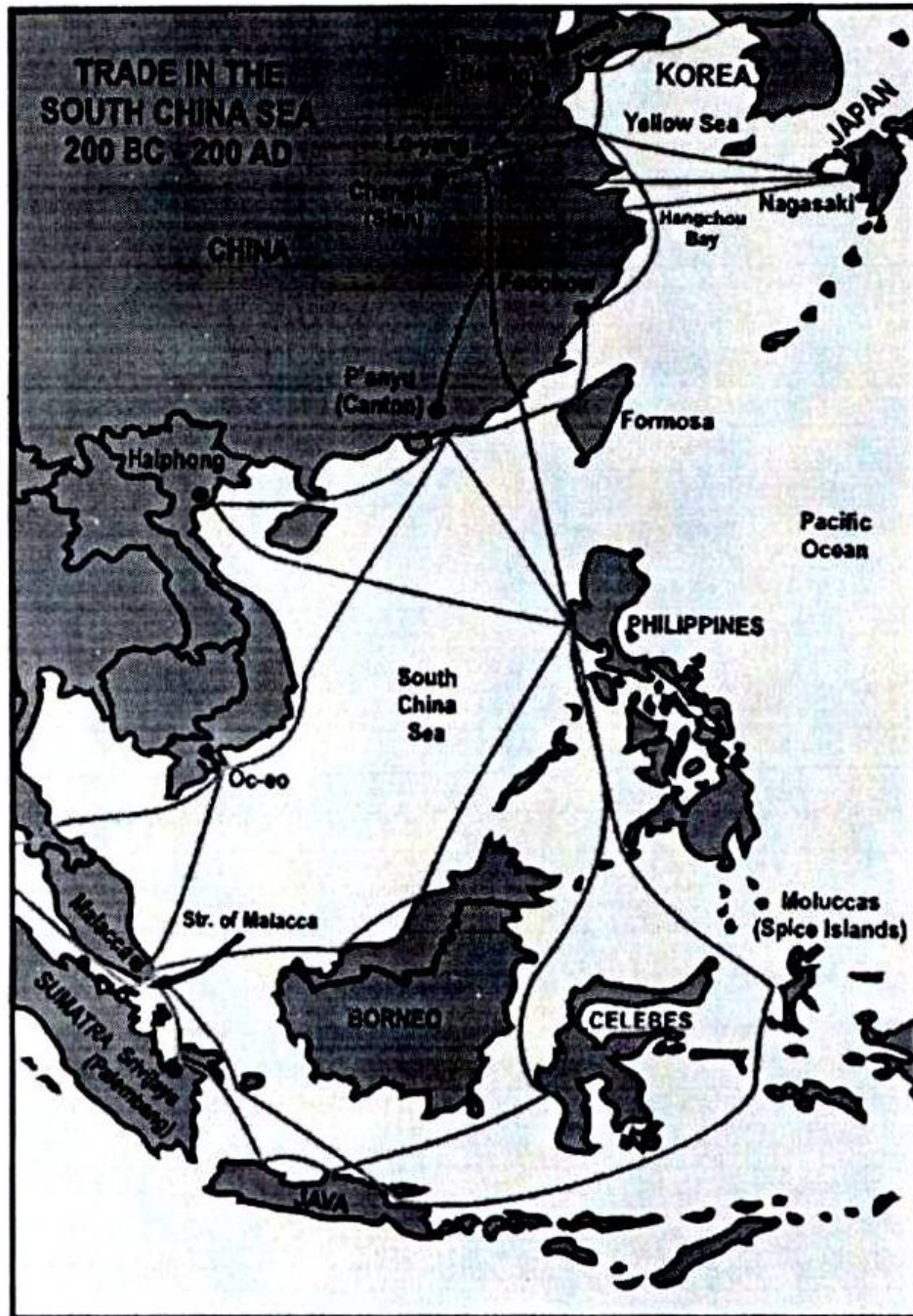
Nghề luyện kim đen mở rộng từ sau thế kỷ 4 trước CN không chỉ ở Miền Trung Việt Nam mà còn thấy ở nhiều vùng khác ở Đông Nam Á. Theo một số nhà nghiên cứu đây là kết quả của sự đòi hỏi tăng cường về vũ khí và hàng hoá mang tính chất địa vị xã hội, gắn

liên với sự xuất hiện của những vị trí phân tầng cao hơn, phức tạp hơn và cũng do buôn bán phát triển. Suu tập hiện vật sắt trong văn hoá Sa Huỳnh tỉ lệ giữa vũ khí và công cụ khá ngang bằng, những công cụ này đặc biệt không chỉ là nông cụ mà liên quan nhiều đến khai thác rừng, khai thác các sản phẩm gỗ và sản phẩm từ rừng khác, những mặt hàng phần nhiều dành để xuất khẩu.

Gia tăng ngoại thương được xem là động lực thúc đẩy sự chuyên hoá sản xuất và ngược lại. Mỗi quan hệ hai chiều có thể thấy trong việc học hỏi kỹ thuật ngoại và bắt chước loại hình, gia tăng mức chuẩn hoá và tập trung hoá sản xuất. Tâm lý chuộng và tin tưởng hàng ngoại kích thích việc sản xuất loại hàng tương tự tại địa phương. Về tâm lý, chúng ta có thể nhận thấy rằng không chỉ tầng lớp trên mới chuộng hàng ngoại, mà tầng lớp dưới cũng vậy.

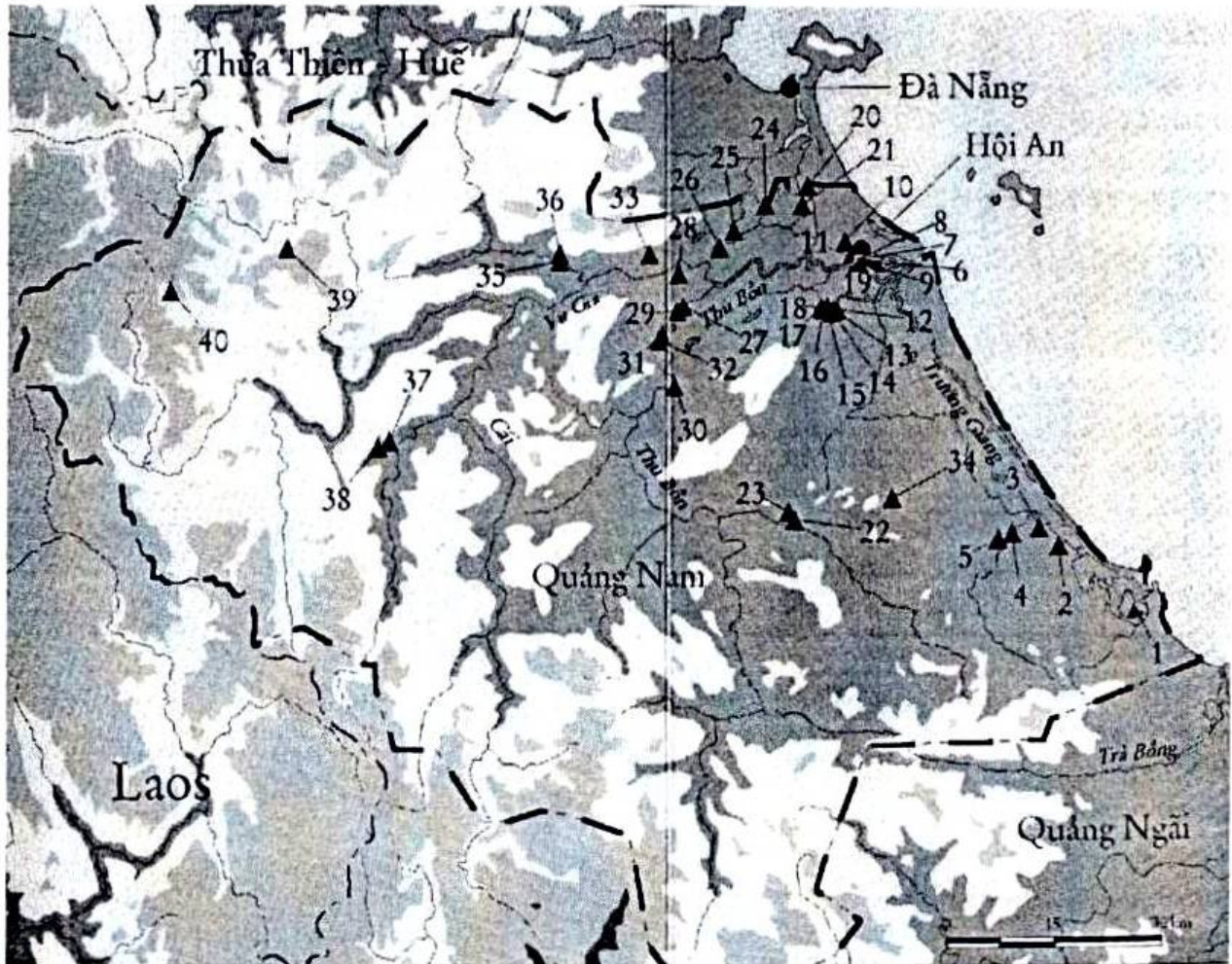
Như vậy, có thể thấy rằng, trong quá trình hình thành và phát triển của mình, văn hoá Sa Huỳnh đã có nhiều mối quan hệ, tiếp xúc và giao lưu văn hóa, mỗi hướng tiếp xúc/giao lưu; mỗi giai đoạn tiếp xúc/giao lưu đều để lại những dấu ấn văn hóa rõ rệt mà chúng ta có thể nhận thấy qua các di tích và di vật khảo cổ học. Những cuộc tiếp xúc này có tính chất đa phương, đa chiều và dựa trên nhu cầu phát triển nội tại của văn hoá bản địa. Đặc biệt ở giai đoạn cuối của văn hoá Sa Huỳnh sự tiếp xúc và giao lưu với văn hoá Hán, Ấn dẫn đến nhiều biến đổi trong quan hệ và cấu trúc xã hội, những biến đổi đó càng thấy rõ trong giai đoạn tiếp sau.

Minh họa



Bản đồ 1. Buôn bán trên biển Nam Trung Hoa giai đoạn từ TK 2 trước Công nguyên đến TK 2 sau Công nguyên.

Nguồn: trang Web về Silk Road on the Sea



Bản đồ 2. Phân bố di tích văn hoá Sa Huỳnh ở Quảng Nam
 Nguồn: Andreas Reinecke, Nguyễn Chiêu và Lâm Mỹ Dung, 2002

1. Tam Giang; 2. Bàu Trám; 3. Tam Mỹ; 4. Phú Hòa; 5. Đồng Cây Lội; 6. Xuân Lâm; 7. Hậu Xá I; 8. Hậu Xá II; 9. Thanh Chiếm; 10. Lai Nghi; 11. An Bang; 12. Núi Vàng; 13. Gò Ông Nhạn; 14. Gò Bà Hòm; 15. Gò Cấm; 16. Gò Miếu Ông; 17. Gò Mả Vôi; 18. Gò Bờ Rang; 19. Gò Tây An; 20. Tứ Câu; 21. Thanh Quýt; 22. Gò Miếu; 23. Tiên Hà; 24. Bích Bắc; 25. Cấm Xóm; 26. Gò Mùn; 27. Gò Dừa; 28. Gò Ngoài; 29. Phú Đa; 30. Quế Lộc; 31. Tinh Yên; 32. Dinh Ông; 33. Đồi Đinh; 34. Bình Yên; 35. Đại Lành; 36. Cấm Thị; 37. Pa Xua; 38. Za Ra; 39. Cơ Noanh; 40. Ba Zi.

Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của Đề tài NCKH trọng điểm cấp Đại học Quốc gia "Nghiên cứu quá trình chuyển biến từ sơ sử sang sơ kỳ lịch sử ở miền Trung Trung bộ và Nam Trung bộ Việt Nam". Mã số GQTD.06.07.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Bá Thảo, *Việt Nam - Lãnh thổ và các vùng địa lý*, NXB Thế giới, Hà Nội, 1998, tr. 391.
- [2] Momoki Shiro, "A Short Introduction to Champa Studies", In: Fukui Hayao (Ed.), *The Dry Areas in Southeast Asia: Harsh or Benign Environment*, The Center for Southeast Asian Studies, Kyoto University, March 1999, tr. 28.
- [3] Sakurai Yumio, "The Dry Areas in the History of Southeast Asia", In: Fukui Hayao (Ed.), *The Dry Areas in Southeast Asia: Harsh or Benign Environment*, The Center for Southeast Asian Studies, Kyoto University, March 1999, tr. 71.

- [4] Geoff Wade, *Champa in the Song hui-yao: A draft translation*, ARI Working Paper, No.53, 2005, www.ari.nus.edu.sg/pub/wps.htm, tr. 3.
- [5] Diamond Jared, *Súng, Vi trùng và Thép*, NXB Tri thức, 2006, Hà Nội, tr. 415.
- [6] Lâm Thị Mỹ Dung, "Vị thế của Cù Lao Chàm trong lịch sử thương mại Việt Nam", In trong *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2007, tr. 87-88.
- [7] *Maritime Commerce and Shipping during the Han Period*, In General notes on maritime commerce and shipping in early times, depts.washington.edu/silkroad/texts/weilue/appendices.html.
- [8] Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1994, tr.57-66.
- [9] Geoff Wade, *The "Native Office" System: A Chinese Mechanism for Southern Territorial Expansion over Two Millennia*, Abstract of the paper on Workshop on Asian Expansions, Asia Research Institute, National University of Singapore, 2006, tr. 5.
- [10] Lam Thi My Dzung, *Regional and inter-regional interactions in the context of Sa Huynh culture: with regards to the Thu Bon valley in Quang Nam province, Vietnam*, Bài tham dự Hội nghị khoa học Quốc tế của IPPA (Hiệp hội khảo cổ học Tiền sử châu Á - Thái Bình Dương), Manila, Philippines, 4/2006.
- [11] Hà Văn Tấn, "Óc Eo - Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh", In trong *Văn hóa Óc Eo và các văn hóa đồng bằng sông Cửu Long*, Sở VH TT An Giang xuất bản, Long Xuyên, 1984, tr. 230.
- [12] Andreas Reinecke, Nguyễn Chiêu và Lâm Thị Mỹ Dung, *Gò Mả Vôi - Những phát hiện mới về văn hoá Sa Huỳnh*, Linden Soft., Köln, Germany, 2002.
- [13] Nguyễn Kim Dung, *Văn hoá Sa Huỳnh với mạng thương mại thời cổ*, Bài tham gia hội thảo đề tài NCKH cấp Bộ "Tiếp xúc và giao lưu trong văn hoá Sa Huỳnh", Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 2007.
- [14] Hall Kenneth, *Economic History of Early Southeast Asia*, In: N.Tarling (Ed.), *The Cambridge History of Southeast Asia*, vol.1, *From Early Times to c.1800*, Cambridge University Press, Cambridge, 1992, tr. 185-187.
- [15] Allchin Raymon, *The Archaeology of Early Historic South Asia*, Cambridge University Press, New York, 1995, tr. 305.
- [16] Chử Bích Thu, "Con đường tơ lụa trên biển" thời Hán: Tuyến đường thương mại biển sớm nhất của Trung Quốc", In trong *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2007, tr. 130.
- [17] Manguin Pierre Yves, *Les cites-États de l'Asie du Sud-Est côtière, De l'ancienneté et de la permanence des formes urbaines*, BEFEO 87 (2000), tr. 151-182.
- [18] Junker Laura Lee, *Raiding, Trading and Feasting The Political Economy of Philippine Chiefdoms*, University of Hawai' Press, Honolulu, 1999, tr.262.
- [19] P.Anne Underhill, *Craft Production and social change in Northern China*, Kluwer Academic /Plenum Publishers, New York, 2002, tr. 7.

The cultural contacts and acculturation during Protohistorical Period (Sahuynh culture) in Central Vietnam

Lam Thi My Dzung

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

In recent time, a great number of archaeological sites and artifacts which evidenced the transitional period from 500 BC to AD 500 in Central Vietnam was obtained. These materials reflect the local cultural development and the tendencies of the contact and exchange with the outside world which led to the cultural acculturation and change.

While given the central role of the indigenous factors in the change of social structure and the rise of complex societies in the proto-history (i.e Sahuynh culture), the scholars also consider the importance of the exogenous factors which play as the "catalysis" or "motive force" in the process of social evolution during the time of Final Sahuynh culture and Early Cham. Many artefacts which originated from Han (China), India, Mediterranean, Thailand and Southeast Asian Islands were revealed among the assemblages of artifacts in the sites of this period .

Based on the explaining the archaeological materials in combination with comparative analyses of ethnological materials and ancient annals, the paper concerns the follow issues:

- The geo-cultural position and political economy context of Central Vietnam during proto-history (i.e. Sahuynh culture).
- The archaeological materials and ancient annals
- The ways and the means of cultural contacts and cultural acculturations Sahuynh-Han (China); Sahuynh-India; Sahuynh-Southeast Asia...
- The role and the impact of cultural contacts and acculturations in the process of social change and rise of complex societies.